



**QUY TRÌNH TỔ CHỨC THI HÀNH ÁN
TRONG NỘI BỘ CƠ QUAN THI HÀNH ÁN DÂN SỰ**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 442/QĐ-TCTHADS ngày 01 tháng 6 năm 2022 của Tổng Cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự)

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy trình này quy định trình tự, thủ tục, thời hạn, nhiệm vụ và quyền hạn của công chức, lãnh đạo cơ quan thi hành án dân sự (THADS) liên quan đến thụ lý, tổ chức thi hành án, thẩm tra, duyệt hồ sơ thi hành án đưa vào lưu trữ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy trình này áp dụng đối với Thủ trưởng cơ quan THADS và người được Thủ trưởng cơ quan THADS ủy quyền (sau đây gọi chung là Thủ trưởng cơ quan THADS), Chấp hành viên, Thẩm tra viên, Kế toán nghiệp vụ, Thư ký thi hành án, Chuyên viên, Văn thư, Lưu trữ và công chức khác của cơ quan THADS được phân công nhiệm vụ tổ chức THADS.

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện

1. Đảm bảo đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục, thời hạn theo quy định của pháp luật về THADS, quy định pháp luật có liên quan và quy trình này.
2. Đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức và công dân.
3. Các trình tự thủ tục tổ chức thi hành án từ khi tiếp nhận bản án, quyết định, yêu cầu thi hành án đến khi kết thúc hồ sơ thi hành án được cập nhật đầy đủ trên cơ sở các tính năng của phần mềm Thụ lý.

CHƯƠNG II. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC TỔ CHỨC THI HÀNH ÁN

Mục 1. THỤ LÝ, RA QUYẾT ĐỊNH THI HÀNH ÁN

Điều 4. Thụ lý, ra Quyết định thi hành án chủ động

1. Người chịu trách nhiệm thực hiện: Thủ trưởng cơ quan THADS; Thẩm tra viên hoặc Thư ký, Chuyên viên và công chức được phân công thụ lý thi hành án.

2. Các bước thực hiện

a) Bước 1: Bộ phận một cửa tiếp nhận, chuyển cho Thẩm tra viên hoặc công chức được phân công (sau đây gọi chung là Thẩm tra viên) kiểm tra, xử lý.

b) Bước 2: Tiếp nhận Bản án, Quyết định

Người được phân công thụ lý khi trực tiếp nhận Bản án, Quyết định do công chức Tòa án, Thừa phát lại hoặc đương sự chuyển giao phải lập biên bản giao nhận

có chữ ký của các bên. Trường hợp nhận chuyển giao qua đường Bưu điện, thì dự thảo văn bản thông báo cho Tòa án, Trọng tài thương mại đã chuyển giao.

c) Bước 3: Kiểm tra điều kiện, ra Quyết định thi hành án

- Trường hợp đủ điều kiện:

+ Vào Sổ nhận Bản án, Quyết định;

+ Dự thảo Quyết định thi hành án trên phần mềm Quản lý quá trình thụ lý, tổ chức thi hành án và báo cáo Thống kê THADS (gọi tắt là “Phần mềm thụ lý”), xuất tệp dữ liệu;

+ Trình Thủ trưởng cơ quan THADS ký, ban hành;

+ Vào Sổ thụ lý, giao Quyết định thi hành án và tài liệu kèm theo cho Chấp hành viên được phân công tổ chức thi hành;

+ Chuyển Quyết định thi hành án cho Kế toán nghiệp vụ, Sở Tư pháp (đối với Quyết định thi hành án phần dân sự trong các bản án hình sự), Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp.

- Trường hợp không đủ điều kiện: Dự thảo văn bản đề nghị gửi bổ sung tài liệu có liên quan hoặc văn bản đề nghị giải thích, sửa chữa, bổ sung bản án, quyết định trình Thủ trưởng cơ quan THADS ký, ban hành.

3. Thời hạn thực hiện

a) 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận Bản án, Quyết định.

b) Đối với Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời: Thực hiện ngay.

c) Đối với Quyết định của Tòa án giải quyết phá sản: 03 ngày làm việc.

Điều 5. Thụ lý, ra Quyết định thi hành án theo yêu cầu

1. Người chịu trách nhiệm thực hiện: Thủ trưởng cơ quan THADS; Thẩm tra viên hoặc Thư ký, Chuyên viên và công chức được phân công thụ lý thi hành án.

2. Các bước thực hiện

a) Bước 1: Tiếp nhận yêu cầu thi hành án

Bộ phận một cửa tiếp nhận; viết phiếu nhận đơn hoặc lập biên bản đối với trường hợp yêu cầu trực tiếp bằng lời nói; vào Sổ công văn đến và chuyển cho Thẩm tra viên kiểm tra, xử lý.

b) Bước 2: Kiểm tra điều kiện, ra Quyết định thi hành án

- Trường hợp đủ điều kiện:

+ Vào sổ nhận yêu cầu thi hành án;

+ Dự thảo Quyết định thi hành án theo yêu cầu trên phần mềm thụ lý;

+ Trình Thủ trưởng cơ quan THADS ký, ban hành;

+ Vào Sổ thụ lý, giao Quyết định thi hành án và tài liệu kèm theo cho Chấp hành viên được phân công;

+ Chuyển Quyết định thi hành án cho Kế toán nghiệp vụ, Sở Tư pháp (đối với Quyết định thi hành án phần dân sự trong các bản án hình sự), Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) cùng cấp.

- Trường hợp không đủ điều kiện: Dự thảo văn bản thông báo cho người yêu cầu thi hành án lý do từ chối hoặc không tiếp nhận yêu cầu thi hành án (hoặc văn bản hướng dẫn bổ sung tài liệu, văn bản hướng dẫn yêu cầu thi hành án tại cơ quan THADS có thẩm quyền) trình Thủ trưởng cơ quan THADS ký, ban hành.

3. Thời hạn thực hiện: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu thi hành án.

Điều 6. Thụ lý, ra Quyết định thi hành án trong trường hợp nhận ủy thác

1. Người chịu trách nhiệm thực hiện: Thủ trưởng cơ quan THADS, Thẩm tra viên hoặc Thư ký, Chuyên viên và công chức được phân công thụ lý thi hành án.

2. Các bước thực hiện

a) Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ ủy thác thi hành án

Bộ phận một cửa tiếp nhận, chuyển người được phân công thụ lý nhập trên Phần mềm Thụ lý.

b) Bước 2: Kiểm tra điều kiện, ra Quyết định thi hành án

- Trường hợp đủ điều kiện:

+ Vào Sổ nhận hồ sơ ủy thác;

+ Dự thảo Quyết định thi hành án trên Phần mềm Thụ lý, xuất tệp dữ liệu;

+ Trình Thủ trưởng cơ quan THADS ký ban hành Quyết định thi hành án và văn bản thông báo cho cơ quan đã ủy thác việc đã nhận hồ sơ ủy thác;

+ Vào Sổ thụ lý;

+ Giao quyết định thi hành án, tài liệu kèm theo cho Chấp hành viên được phân công tổ chức thi hành.

- Trường hợp không đủ điều kiện nhận ủy thác thi hành án: Dự thảo văn bản thông báo cho cơ quan THADS đã ủy thác lý do từ chối không tiếp nhận trình Thủ trưởng cơ quan THADS ký, ban hành.

3. Thời hạn thực hiện

a) 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ ủy thác.

b) Trường hợp thi hành quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời: Ra quyết định thi hành án ngay.

Mục 2. TỔ CHỨC THI HÀNH ÁN

Điều 7. Lập hồ sơ thi hành án

1. Người chịu trách nhiệm thực hiện: Chấp hành viên hoặc Thư ký, Chuyên viên và công chức được phân công.

2. Các bước thực hiện

a) Bước 1: Nhận Quyết định thi hành án và các tài liệu kèm theo.

b) Bước 2: Ghi chép Bìa hồ sơ, lưu biên lai và hồ sơ nhập kho vật chứng (nếu có).

c) Bước 3: Cập nhật đầy đủ và đánh bút lục các tài liệu từ khi thụ lý cho đến khi tổ chức thi hành xong vụ việc vào Bảng Danh mục tài liệu.

3. Thời hạn thực hiện: 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định thi hành án cho đến khi hồ sơ được đưa vào lưu trữ.

Điều 8. Thông báo Quyết định và các văn bản về thi hành án

1. Người chịu trách nhiệm thực hiện: Chấp hành viên hoặc Thư ký, Chuyên viên và công chức được phân công.

2. Các bước thực hiện

a) Bước 1: Xác định người cần thông báo, địa chỉ thực hiện việc thông báo, hình thức thông báo.

b) Bước 2: Thực hiện việc thông báo

- Đối với hình thức thông báo trực tiếp:

+ Giao trực tiếp văn bản cho người cần thông báo hoặc giao cho một trong số những người thân thích có đủ năng lực hành vi dân sự cùng cư trú với người cần thông báo (nếu người cần thông báo vắng mặt);

+ Lập biên bản về việc giao nhận, thông báo về thi hành án, có chữ ký hoặc điểm chỉ của người nhận thông báo;

+ Trường hợp người được thông báo từ chối nhận thông báo: Lập biên bản, có chữ ký của người chứng kiến.

- Đối với hình thức niêm yết công khai:

+ Lập biên bản về việc không thực hiện được thông báo, có chữ ký của người chứng kiến;

+ Lập biên bản niêm yết công khai tại Trụ sở cơ quan THADS, Ủy ban nhân dân cấp xã, nơi cư trú hoặc nơi cư trú cuối cùng của người được thông báo.

- Đối với hình thức thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng:

+ Trường hợp xác định đương sự đang có mặt tại địa phương nơi đương sự cư trú: Thông báo trên báo ngày trong 02 số liên tiếp hoặc trên Đài phát thanh, Đài truyền hình cấp tỉnh 02 lần trong 02 ngày liên tiếp;

+ Trường hợp xác định đương sự không có mặt tại địa phương nơi đương sự cư trú: Thông báo trên báo ngày trong 02 số liên tiếp hoặc trên Đài phát thanh, Đài truyền hình trung ương 02 lần trong 02 ngày liên tiếp.

Lưu ý:

- Trường hợp người được thông báo yêu cầu được nhận thông báo bằng điện tín, fax, thư điện tử hoặc hình thức khác thì việc thông báo trực tiếp có thể được thực hiện theo hình thức đó nếu không gây trở ngại cho cơ quan THADS.

- Trường hợp do đường sá xa xôi, giao thông không thuận tiện; người được thông báo có nhiều địa chỉ, nơi ở không cố định, thường vắng mặt ở nhà vào giờ hành chính; đương sự đang bị giam, tạm giam; người được thi hành án chưa yêu cầu thi hành án quy định tại khoản 1 Điều 49 Nghị định số 62/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 13 Điều 1 Nghị định số 33/2020/NĐ-CP của Chính phủ; các trường hợp khác mà việc thông báo trực tiếp có khó khăn thì thông báo qua dịch vụ bưu chính bằng thư bảo đảm.

- Thông báo đối với người đang bị giam, tạm giam: Giám thị trại giam, tạm giam có trách nhiệm giao văn bản thông báo cho người được thông báo.

- Trường hợp có ủy quyền: Việc thông báo được thực hiện đối với người được ủy quyền.

c) Bước 3: Lưu kết quả thông báo vào hồ sơ thi hành án.

3. Thời hạn thực hiện

a) 03 ngày làm việc kể từ ngày ra văn bản.

b) Trường hợp cần ngăn chặn đương sự tẩu tán, hủy hoại tài sản, trốn tránh việc thi hành án: Thực hiện ngay.

Điều 9. Xác minh điều kiện thi hành án

1. Người chịu trách nhiệm thực hiện: Chấp hành viên (Thư ký, chuyên viên và công chức khác có trách nhiệm phối hợp).

2. Các bước thực hiện

a) Bước 1: Xác định nội dung và hình thức xác minh; địa điểm, tổ chức và cá nhân phối hợp xác minh.

b) Bước 2: Thực hiện việc xác minh

- Đối với hình thức xác minh trực tiếp:

+ Yêu cầu người phải thi hành án tự kê khai thông tin về điều kiện thi hành án (nếu làm việc trực tiếp với người phải thi hành án);

+ Lập biên bản xác minh điều kiện thi hành án có xác nhận của Ủy ban nhân dân hoặc công an cấp xã hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân nơi tiến hành xác minh (có thể yêu cầu cơ quan chuyên môn hoặc mời, thuê chuyên gia để làm rõ các nội dung trong trường hợp cần thiết).

- Đối với hình thức xác minh bằng văn bản:

+ Dự thảo văn bản đề nghị xác minh, nêu rõ thời hạn cung cấp thông tin;

+ Gửi văn bản đến cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cung cấp thông tin.

- Đối với hình thức ủy quyền xác minh:

+ Dự thảo văn bản ủy quyền xác minh trình Thủ trưởng cơ quan THADS ký, ban hành;

+ Gửi văn bản ủy quyền cho cơ quan THADS có thẩm quyền tiến hành xác minh (văn bản nêu rõ nội dung ủy quyền và các thông tin cần thiết khác), gửi kèm theo bản sao các tài liệu có liên quan.

c) Bước 3: Xử lý kết quả xác minh

- Tiếp tục xác minh làm rõ thông tin khi kết quả xác minh chưa đáp ứng được yêu cầu;

- Trình Thủ trưởng cơ quan THADS ban hành các quyết định hoặc văn bản về thi hành án theo thẩm quyền như: Quyết định chưa có điều kiện thi hành án, Quyết định hoãn thi hành án, Quyết định đình chỉ thi hành án, Quyết định ủy thác thi hành án, Quyết định ủy thác xử lý tài sản, văn bản đề nghị giải thích hoặc xem xét lại bản án...(nếu có căn cứ);

- Áp dụng biện pháp bảo đảm, biện pháp cưỡng chế, xét miễn giảm thi hành án (nếu có căn cứ).

d) Bước 4: Xác minh định kỳ

- Thời hạn xác minh định kỳ: Ít nhất 6 tháng một lần.

Trường hợp người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành án là người đang chấp hành hình phạt tù mà thời gian chấp hành hình phạt tù còn lại từ 02 năm trở lên hoặc không xác định được địa chỉ, nơi cư trú mới của người phải thi hành án: Ít nhất 01 năm một lần;

- Thông báo bằng văn bản cho người được thi hành án về kết quả xác minh: Sau hai lần xác minh mà người phải thi hành án vẫn chưa có điều kiện thi hành án.

- Xử lý kết quả xác minh định kỳ:

+ Dự thảo Quyết định tiếp tục thi hành án trình Thủ trưởng cơ quan THADS ký, ban hành khi người phải thi hành án có điều kiện thi hành án trở lại;

+ Lập Phiếu đề xuất trình Thủ trưởng cơ quan THADS quyết định chuyển sổ theo dõi riêng khi có đủ điều kiện theo quy định;

+ Thực hiện xét miễn, giảm nghĩa vụ thi hành án khi có căn cứ theo quy định tại Điều 61, Điều 62 Luật THADS.

e) Bước 5: Xác minh bổ sung trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản của đương sự hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân khác cung cấp thông tin mới về điều kiện thi hành án của người phải thi hành án.

3. Thời hạn xác minh

a) Xác minh lần đầu trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hết thời hạn tự nguyện thi hành án mà người phải thi hành án không tự nguyện thi hành.

b) Xác minh ngay đối với quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời.

c) Xác minh trong thời hạn tự nguyện thi hành án nếu cần thiết để làm căn cứ ban hành quyết định áp dụng biện pháp bảo đảm theo quy định.

d) Trường hợp có kháng nghị của VKSND về kết quả xác minh hoặc kết quả xác minh của Chấp hành viên và đương sự khác nhau: Xác minh lại trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ khi nhận được kết quả xác minh do đương sự cung cấp hoặc nhận được kháng nghị của VKSND.

Điều 10. Xác định việc chưa có điều kiện thi hành án

1. Người chịu trách nhiệm thực hiện: Chấp hành viên (Thư ký, chuyên viên và công chức khác có trách nhiệm phối hợp)

2. Các bước thực hiện

a) Bước 1: Kiểm tra, xác định căn cứ xác định việc chưa có điều kiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 44a Luật THADS.

b) Bước 2: Dự thảo Quyết định về việc chưa có điều kiện thi hành án trình Thủ trưởng cơ quan THADS ký, ban hành trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày có căn cứ.

Lưu ý: Trường hợp chưa xác định được địa chỉ và tài sản của người phải thi hành án hoặc chưa xác định được địa chỉ của người phải thi hành án mà theo bản án, quyết định họ phải tự mình thực hiện nghĩa vụ thì Quyết định về việc chưa có điều kiện thi hành án phải ghi rõ việc thi hành án bị hoãn theo điểm b khoản 1 Điều 48 Luật THADS.

c) Bước 3: Công khai thông tin người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành

- Lập danh sách trình Thủ trưởng cơ quan THADS phê duyệt, đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Cục THADS và tích hợp trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục THADS; gửi danh sách cho UBND cấp xã nơi xác minh để niêm yết trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định về việc chưa có điều kiện thi hành án.

- Báo cáo Thủ trưởng cơ quan THADS bổ sung, sửa đổi thông tin và công khai nội dung thay đổi về tên, địa chỉ, nghĩa vụ và điều kiện thi hành án của người phải thi hành án trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày có căn cứ.

- Báo cáo Thủ trưởng cơ quan THADS chấm dứt việc công khai thông tin khi có quyết định đình chỉ thi hành án hoặc có văn bản xác nhận việc người phải thi hành án đã thực hiện xong nghĩa vụ thi hành án trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày có căn cứ.

- Gửi quyết định đình chỉ thi hành án hoặc văn bản xác nhận việc người phải thi hành án đã thực hiện xong nghĩa vụ thi hành án để UBND cấp xã chấm dứt niêm yết công khai.

Điều 11. Chuyển sổ theo dõi riêng

1. Người chịu trách nhiệm thực hiện: Chấp hành viên (Thư ký, chuyên viên và công chức khác có trách nhiệm phối hợp)

2. Các bước thực hiện

a) Bước 1: Kiểm tra, xác định căn cứ theo Khoản 5 Điều 9 Nghị định 62/2015/NĐ-CP, lập phiếu đề xuất trình Thủ trưởng cơ quan THADS ký duyệt.

b) Bước 2: Chuyển bộ phận văn phòng vào Sổ theo dõi riêng.

c) Bước 3: Cập nhật nội dung thay đổi (người phải thi hành án có điều kiện thi hành án trở lại, xét miễn giảm thi hành án...) vào Sổ theo dõi riêng khi có căn cứ.

3. Thời hạn thực hiện: 3 ngày làm việc, kể từ khi có đủ điều kiện.

Điều 12. Hoãn thi hành án

1. Người chịu trách nhiệm thực hiện: Chấp hành viên, Thủ trưởng cơ quan THADS ký quyết định (Thư ký, chuyên viên và công chức khác có trách nhiệm phối hợp).

2. Các bước thực hiện

a) Bước 1: Kiểm tra, xác định căn cứ hoãn thi hành án theo Khoản 1 Điều 48 Luật THADS.

b) Bước 2: Dự thảo Quyết định hoãn thi hành án trình Thủ trưởng cơ quan ký, ban hành.

c) Bước 3: Dự thảo Quyết định tiếp tục thi hành án trình Thủ trưởng cơ quan THADS ký, ban hành trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ khi căn cứ hoãn thi hành không còn, hết thời hạn hoãn thi hành án theo yêu cầu của người có thẩm quyền, hoặc khi nhận được văn bản trả lời của người có thẩm quyền kháng nghị về việc không có căn cứ kháng nghị.

d) Bước 4: Thông báo Quyết định hoãn thi hành án, Quyết định tiếp tục thi hành án cho đương sự, tổ chức cá nhân có liên quan và gửi cho VKSND cùng cấp.

3. Thời hạn thực hiện

a) 05 ngày làm việc kể từ ngày có căn cứ hoãn thi hành án.

b) Trường hợp nhận được yêu cầu hoãn thi hành án của người có thẩm quyền kháng nghị ít nhất 24 giờ trước thời điểm cưỡng chế thi hành án đã được ấn định trong quyết định cưỡng chế: Thủ trưởng cơ quan THADS ra ngay quyết định hoãn thi hành án.

c) Trường hợp nhận được yêu cầu hoãn thi hành án của người có thẩm quyền kháng nghị ít hơn 24 giờ trước thời điểm cưỡng chế thi hành án đã được ấn định trong quyết định cưỡng chế: Thủ trưởng cơ quan THADS có quyền quyết định hoãn thi hành án khi xét thấy cần thiết.

d) Trường hợp nhận được yêu cầu hoãn của người có thẩm quyền mà vụ việc đã được thi hành một phần hoặc đã được thi hành xong: Gửi văn bản thông báo ngay cho người yêu cầu hoãn thi hành án.

Điều 13. Tạm đình chỉ thi hành án

1. Người chịu trách nhiệm thực hiện: Chấp hành viên, Thủ trưởng cơ quan THADS ký quyết định (Thư ký, chuyên viên và công chức khác có trách nhiệm phối hợp).

2. Các bước thực hiện

a) Bước 1: Kiểm tra, xác định căn cứ tạm đình chỉ thi hành án theo Khoản 1, 2 Điều 49 Luật THADS.

b) Bước 2: Dự thảo Quyết định tạm đình chỉ thi hành án (hoặc thông báo tạm đình chỉ thi hành án) trình Thủ trưởng cơ quan THADS ký, ban hành.

c) Bước 3: Dự thảo Quyết định tiếp tục thi hành án trình Thủ trưởng cơ quan THADS ký, ban hành khi có căn cứ tại Khoản 3 Điều 49 Luật THADS.

d) Bước 4: Thông báo Quyết định tạm đình chỉ thi hành án (Thông báo tạm đình chỉ thi hành án), Quyết định tiếp tục thi hành án, cho đương sự, tổ chức cá nhân có liên quan và gửi VKSND cùng cấp.

3. Thời hạn thực hiện

a) 05 ngày làm việc, kể từ ngày có căn cứ.

b) Trường hợp nhận được Quyết định tạm đình chỉ thi hành án của người có thẩm quyền kháng nghị bản án, quyết định theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm mà bản án đã được thi hành một phần hoặc toàn bộ: Thông báo ngay bằng văn bản cho người đã kháng nghị.

Điều 14. Đình chỉ thi hành án

1. Người chịu trách nhiệm thực hiện: Chấp hành viên, Thủ trưởng cơ quan THADS ký quyết định (Thư ký, chuyên viên và công chức khác có trách nhiệm phối hợp).

2. Các bước thực hiện

a) Bước 1: Kiểm tra, xác định căn cứ đình chỉ thi hành án theo Khoản 1 Điều 50 Luật THADS.

b) Bước 2: Dự thảo Quyết định đình chỉ thi hành án trình Thủ trưởng cơ quan THADS ký, ban hành.

c) Bước 3: Thông báo Quyết định đình chỉ thi hành án cho đương sự, tổ chức cá nhân có liên quan và gửi VKSND cùng cấp.

3. Thời hạn thực hiện: 05 ngày làm việc kể từ ngày có căn cứ.

Điều 15. Ủy thác thi hành án

1. Người chịu trách nhiệm thực hiện: Chấp hành viên, Thủ trưởng cơ quan THADS ký quyết định (Thư ký, chuyên viên và công chức khác có trách nhiệm phối hợp).

2. Các bước thực hiện

a) Bước 1: Kiểm tra, xác định căn cứ ủy thác thi hành án theo Khoản 1 Điều 55 Luật THADS.

b) Bước 2: Dự thảo Quyết định thu hồi quyết định thi hành án (nếu có), Quyết định ủy thác thi hành án trình Thủ trưởng cơ quan THADS ký, ban hành.

c) Bước 3: Gửi hồ sơ ủy thác cho cơ quan THADS nơi nhận ủy thác

Hồ sơ ủy thác thi hành án bao gồm: Quyết định ủy thác thi hành án; Quyết định thu hồi quyết định thi hành án (nếu có); Quyết định thi hành án (nếu có); Bản án, quyết định hoặc bản sao bản án, quyết định trong trường hợp ủy thác cho nhiều nơi, ủy thác theo điểm b khoản 1 Điều 55 Luật THADS; bản sao biên bản kê biên, tạm giữ tài sản và các tài liệu khác có liên quan (nếu có).

d) Bước 4: Thông báo Quyết định thu hồi quyết định thi hành án (nếu có), Quyết định ủy thác thi hành án cho đương sự, tổ chức cá nhân có liên quan và gửi VKSND cùng cấp.

e) Bước 5: Thủ trưởng cơ quan THADS nhận ủy thác kiểm tra điều kiện nhận ủy thác, ra quyết định thi hành án.

- Trường hợp quyết định ủy thác có sự nhầm lẫn, sai sót về nội dung hoặc thẩm quyền của cơ quan THADS nhận ủy thác: Gửi trả hồ sơ ủy thác.

- Trường hợp đủ điều kiện nhận ủy thác:

+ Ra Quyết định thi hành án trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận ủy thác;

+ Trường hợp thi hành quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời: Ra ngay quyết định thi hành án;

+ Gửi thông báo nhận ủy thác cho cơ quan THADS đã ủy thác.

3. Thời hạn thực hiện ủy thác

a) 05 ngày làm việc kể từ ngày xác định có căn cứ ủy thác.

b) Trường hợp thi hành quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời: Ra quyết định ủy thác trong thời hạn 24 giờ kể từ khi có căn cứ ủy thác.

Điều 16. Ủy thác xử lý tài sản

1. Người chịu trách nhiệm thực hiện: Chấp hành viên, Thủ trưởng cơ quan THADS ký quyết định (Thư ký, chuyên viên và công chức khác có trách nhiệm phối hợp).

2. Các bước thực hiện

a) Bước 1: Kiểm tra, xác định căn cứ ủy thác xử lý tài sản theo Khoản 2 Điều 55 Luật THADS.

b) Bước 2: Dự thảo văn bản ủy quyền cho cơ quan THADS nơi có tài sản thực hiện việc xác minh đối với tài sản dự kiến sẽ ủy thác trình Thủ trưởng cơ quan ký, ban hành (nếu cần thiết).

c) Bước 3: Dự thảo Quyết định ủy thác xử lý tài sản trình Thủ trưởng cơ quan THADS ký, ban hành.

d) Bước 4: Gửi hồ sơ ủy thác cho cơ quan THADS nơi nhận ủy thác

Hồ sơ ủy thác xử lý tài sản bao gồm: Quyết định ủy thác xử lý tài sản; bản sao bản án, quyết định; quyết định thi hành án và các tài liệu khác có liên quan (nếu có).

e) Bước 5: Thông báo Quyết định ủy thác xử lý tài sản cho đương sự, tổ chức cá nhân có liên quan và gửi cho VKSND cùng cấp.

g) Bước 6: Liên hệ, phối hợp giữa cơ quan THADS ủy thác với cơ quan THADS nhận ủy thác trong quá trình xử lý tài sản ủy thác

- Đối với cơ quan THADS ủy thác:

+ Thông báo ngay bằng văn bản cho cơ quan THADS nhận ủy thác để tạm dừng việc xử lý các tài sản còn lại nếu xác định việc xử lý một hoặc một số tài sản đủ để thanh toán nghĩa vụ của người phải thi hành án và các chi phí liên quan (trên cơ sở kết quả thẩm định giá, bán đấu giá tài sản do các cơ quan THADS nhận ủy thác cung cấp);

+ Thông báo ngay bằng văn bản cho cơ quan THADS nhận ủy thác để tạm dừng việc xử lý các tài sản ủy thác trong trường hợp có quyết định hoãn, tạm đình chỉ thi hành án;

+ Thông báo ngay bằng văn bản cho cơ quan THADS nhận ủy thác về việc chấm dứt việc xử lý tài sản trong trường hợp đã thu đủ số tiền thi hành án và các chi phí liên quan hoặc có quyết định đình chỉ thi hành án. Khi thanh toán tiền thi hành án, cơ quan THADS đã ủy thác phải thanh toán các chi phí thi hành án phát sinh trước thời điểm chấm dứt việc xử lý tài sản cho cơ quan THADS nhận ủy thác theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 73 của Luật THADS;

+ Tiếp nhận số tiền thi hành án thu được do cơ quan THADS nhận ủy thác gửi và thực hiện việc chi trả tiền thi hành án theo quy định tại Điều 47 Luật THADS.

- Đối với cơ quan THADS nhận ủy thác:

+ Thủ trưởng cơ quan THADS nhận ủy thác ra quyết định xử lý tài sản ủy thác, phân công Chấp hành viên tổ chức thi hành và thông báo bằng văn bản cho cơ quan THADS đã ủy thác trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định ủy thác xử lý tài sản;

+ Chấp hành viên căn cứ quyết định thi hành án, kết quả tổ chức thi hành án của cơ quan THADS đã ủy thác và quyết định xử lý tài sản ủy thác để tiếp tục thực hiện trình tự, thủ tục xử lý tài sản theo quy định của Luật THADS;

+ Thông báo ngay bằng văn bản kết quả thẩm định giá, thời điểm bán đấu giá, kết quả xử lý tài sản cho cơ quan THADS đã ủy thác, kèm theo bản sao các tài liệu có liên quan;

+ Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày giao tài sản cho người mua được tài sản bán đấu giá hoặc người nhận tài sản để trừ vào số tiền được thi hành án, cơ quan THADS nhận ủy thác xử lý tài sản chuyển số tiền thu được cho cơ quan THADS đã ủy thác, sau khi trừ chi phí thi hành án, đồng thời, thông báo ngay bằng văn bản cho cơ quan THADS đã ủy thác;

+ Thực hiện ngay việc ra quyết định tạm dừng hoặc chấm dứt xử lý tài sản theo yêu cầu của cơ quan THADS đã ủy thác.

- Việc thông báo giữa cơ quan THADS ủy thác và nhận ủy thác được thực hiện bằng văn bản sử dụng chữ ký số. Đối với các văn bản theo quy định pháp luật phải là văn bản giấy thì đồng thời gửi bản giấy qua đường bưu điện, các cơ quan THADS có trách nhiệm gửi 01 bản chụp vào địa chỉ thư điện tử của cơ quan THADS phối hợp và địa chỉ email của Chấp hành viên phụ trách hồ sơ; Các Chấp hành viên phải thường xuyên chủ động phối hợp, cung cấp thông tin cho nhau qua điện thoại để kịp thời xử lý khi cần thiết.

Điều 17. Miễn, giảm nghĩa vụ thi hành án đối với khoản thu nộp ngân sách nhà nước

1. Người chịu trách nhiệm thực hiện: Chấp hành viên, Thủ trưởng cơ quan THADS ký văn bản đề nghị (Thư ký, chuyên viên và công chức khác có trách nhiệm phối hợp).

2. Các bước thực hiện

a) Bước 1: Kiểm tra, xác định điều kiện xét miễn giảm thi hành án theo Điều 61 LTHADS, Điều 4 và Điều 5 Thông tư liên tịch 12/2015/TTLT-BTP-BTC-TANDTC-VKSNDTC. Trường hợp người phải thi hành án có Đơn đề nghị xét miễn giảm nhưng không đủ điều kiện xét miễn, giảm: Gửi văn bản thông báo cho người phải thi hành án đã có đơn đề nghị biết, nêu rõ lý do.

b) Bước 2: Xác minh điều kiện để xét miễn giảm thi hành án trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày có điều kiện xét miễn giảm theo Điều 5 Thông tư liên tịch 12/2015/TTLT-BTP-BTC-TANDTC-VKSNDTC. Trường hợp người phải thi hành án có Đơn đề nghị xét miễn giảm hoặc VKSND cùng cấp yêu cầu lập hồ sơ đề nghị xét miễn giảm mà kết quả xác minh người phải thi hành án không đủ điều kiện: Gửi văn bản thông báo cho người phải thi hành án hoặc VKSND cùng cấp đã yêu cầu lập hồ sơ đề nghị xét miễn giảm biết, nêu rõ lý do trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả xác minh.

c) Bước 3: Dự thảo văn bản đề nghị xét miễn giảm thi hành án trình Thủ trưởng cơ quan THADS ký, ban hành trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả xác minh.

d) Bước 4: Gửi hồ sơ đề nghị xét miễn, giảm thi hành án gửi VKSND cùng cấp vào tuần đầu của mỗi tháng. Hồ sơ bao gồm các tài liệu quy định tại Điều 62 Luật THADS và Điều 6 Thông tư liên tịch 12/2015/TTLT-BTP-BTC-TANDTC-VKSNDTC.

e) Bước 5: Chuyển hồ sơ đề nghị Tòa án có thẩm quyền xem xét miễn, giảm sau khi có ý kiến nhất trí bằng văn bản của VKSND cùng cấp (trừ trường hợp xét miễn khoản tiền phạt theo quy định tại Khoản 4 Điều 61 Luật THADS, xét giảm việc chấp hành tiền phạt còn lại đối với người chưa thành niên theo quy định của Bộ luật Hình sự do VKSND cùng cấp chuyển).

g) Bước 6: Tham gia phiên họp xét miễn, giảm nghĩa vụ thi hành án.

h) Bước 7: Dự thảo Quyết định đình chỉ thi hành án khi có quyết định có hiệu lực của Tòa án về việc miễn thi hành án trình Thủ trưởng cơ quan ký, ban hành.

e) Bước 8: Thông báo Quyết định đình chỉ thi hành án cho người phải thi hành án và gửi cho VKSND cùng cấp.

Điều 18. Yêu cầu Tòa án giải thích Bản án, Quyết định

1. Người chịu trách nhiệm thực hiện: Chấp hành viên, Thủ trưởng cơ quan THADS ký văn bản đề nghị (Thư ký, chuyên viên và công chức khác có trách nhiệm phối hợp).

2. Các bước thực hiện

a) Bước 1: Xác định căn cứ yêu cầu Tòa án giải thích theo Điều 486 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 179 Luật THADS, Điều 9 Thông tư số 11/2016/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC.

b) Bước 2: Dự thảo văn bản đề nghị Tòa án có thẩm quyền giải thích bản án, quyết định trình Thủ trưởng cơ quan THADS ký, ban hành.

c) Bước 3: Dự thảo Quyết định hoãn thi hành án theo quy định tại điểm đ khoản 1, Điều 48 Luật THADS trình Thủ trưởng cơ quan ký, ban hành.

d) Bước 4: Dự thảo Quyết định tiếp tục thi hành án trình Thủ trưởng cơ quan THADS ký, ban hành trong thời hạn 5 ngày làm việc nếu hết thời hạn mà không nhận được văn bản trả lời hoặc nhận được văn bản trả lời theo nội dung Bản án, Quyết định đã ban hành.

e) Bước 5: Ra quyết định thi hành án, quyết định thu hồi hoặc sửa đổi, bổ sung quyết định về thi hành án đã ban hành trên cơ sở nội dung văn bản trả lời của Tòa án trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản trả lời.

Điều 19. Kiến nghị xem xét lại bản án, quyết định của Tòa án theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm

1. Người chịu trách nhiệm thực hiện: Chấp hành viên, Thủ trưởng cơ quan THADS ký văn bản đề nghị (Thư ký, chuyên viên và công chức khác có trách nhiệm phối hợp).

2. Các bước thực hiện

a) Bước 1: Xác định căn cứ kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm (khoản 1 Điều 326, Điều 327 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 371, 372 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015) hoặc căn cứ kháng nghị thủ tục theo tái thẩm (khoản Điều 352, 353 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 398 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015).

b) Bước 2: Dự thảo văn bản đề nghị người có thẩm quyền xem xét lại bản án, quyết định của Tòa án theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm trình Thủ trưởng cơ quan THADS ký, ban hành trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày phát hiện có căn cứ.

c) Bước 3: Dự thảo Quyết định hoãn thi hành án theo quy định tại điểm đ khoản 1, Điều 48 Luật THADS trình Thủ trưởng cơ quan ký, ban hành.

d) Bước 4: Dự thảo văn bản thông báo cho Chánh án TAND, Viện trưởng VKSND có thẩm quyền về việc không nhận được văn bản trả lời nếu hết thời hạn 03 tháng (trường hợp vụ việc phức tạp thì không quá 04 tháng) kể từ ngày có căn cứ xác định người có thẩm quyền đã nhận được kiến nghị mà không có văn bản trả lời trình Thủ trưởng cơ quan THADS ký, ban hành.

e) Bước 5: Dự thảo Quyết định tiếp tục thi hành án trình Thủ trưởng cơ quan THADS ký, ban hành trong trường hợp hết thời hạn mà không nhận được văn bản trả lời hoặc chưa hết thời hạn quy định mà nhận được văn bản trả lời của người có thẩm quyền về việc không có cơ sở chấp nhận kiến nghị, không kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm.

Điều 20. Áp dụng biện pháp bảo đảm thi hành án

1. Người chịu trách nhiệm thực hiện: Chấp hành viên (Thư ký, chuyên viên và công chức khác có trách nhiệm phối hợp).

2. Các bước thực hiện

a) Bước 1: Xác định điều kiện, căn cứ áp dụng biện pháp bảo đảm.

b) Bước 2: Ban hành quyết định áp dụng biện pháp bảo đảm thi hành án. Trường hợp cần áp dụng ngay biện pháp bảo đảm mà chưa ban hành được Quyết định thì Chấp hành viên lập biên bản yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan thực hiện. Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi lập biên bản phải ban hành Quyết định áp dụng biện pháp bảo đảm; biên bản và quyết định phải được gửi ngay cho VKSND cùng cấp.

c) Bước 3: Thông báo quyết định cho đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan. Yêu cầu đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp các giấy tờ, tài liệu cần thiết để chứng minh quyền sở hữu, sử dụng; thông báo cho đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan về quyền khởi kiện yêu cầu

xác định quyền sở hữu, sử dụng đối với tài sản, giấy tờ tạm giữ. Trường hợp cần thiết, Chấp hành viên phải tiến hành xác minh làm rõ hoặc yêu cầu Tòa án, cơ quan có thẩm quyền xác định người có quyền sở hữu, sử dụng đối với tài sản, giấy tờ tạm giữ; yêu cầu hủy giấy tờ, giao dịch liên quan đến tài sản theo quy định.

d) Bước 4: Xử lý quyết định áp dụng biện pháp bảo đảm

- Trường hợp áp dụng biện pháp phong tỏa tài khoản, tài sản ở nơi gửi giữ: Ra quyết định cưỡng chế hoặc quyết định chấm dứt việc phong tỏa (nếu có căn cứ) trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày ra Quyết định phong tỏa tài khoản, tài sản.

- Trường hợp áp dụng biện pháp tạm giữ tài sản, giấy tờ của đương sự:

+ Áp dụng biện pháp cưỡng chế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày có căn cứ xác định tài sản, giấy tờ tạm giữ thuộc quyền sở hữu, sử dụng của người phải thi hành án;

+ Ra quyết định trả lại giấy tờ, tài sản nếu có căn cứ xác định tài sản, giấy tờ tạm giữ không thuộc quyền sở hữu, sử dụng của người phải thi hành án hoặc người phải thi hành án đã thi hành xong nghĩa vụ của mình.

- Trường hợp áp dụng biện pháp tạm dừng việc đăng ký, chuyển quyền sở hữu, sử dụng, thay đổi hiện trạng tài sản:

+ Áp dụng biện pháp cưỡng chế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày có căn cứ xác định tài sản thuộc quyền sở hữu, sử dụng của người phải thi hành án;

+ Ra quyết định chấm dứt việc tạm dừng đăng ký, chuyển quyền sở hữu, sử dụng, thay đổi hiện trạng tài sản nếu có căn cứ xác định tài sản không thuộc quyền sở hữu, sử dụng của người phải thi hành án.

Điều 21. Áp dụng biện pháp cưỡng chế thi hành án

1. Người chịu trách nhiệm thực hiện: Chấp hành viên chịu trách nhiệm chính; Thư ký, chuyên viên, công chức khác và các cơ quan có liên quan có trách nhiệm phối hợp.

2. Các bước thực hiện

a) Bước 1: Xác định căn cứ, điều kiện áp dụng biện pháp cưỡng chế.

b) Bước 2: Ra Quyết định cưỡng chế.

c) Bước 3: Dự trù chi phí cưỡng chế trình Thủ trưởng cơ quan phê duyệt.

d) Bước 4: Tổ chức họp bàn thống nhất việc tổ chức cưỡng chế (nếu cần thiết).

e) Bước 5: Lập kế hoạch cưỡng chế, trình Thủ trưởng cơ quan phê duyệt theo Điều 72 Luật THADS (nếu cần huy động lực lượng).

g) Bước 6: Gửi Kế hoạch cưỡng chế cho cơ quan Công an cùng cấp đề nghị xây dựng phương án bảo vệ cưỡng chế theo quy định; VKSND cùng cấp, UBND cấp xã nơi tổ chức cưỡng chế và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc cưỡng chế thi hành án.

h) Bước 7: Báo cáo Ban chỉ đạo THADS cùng cấp để chỉ đạo các cơ quan, ban ngành thống nhất phối hợp đối với những vụ việc cưỡng chế đặc biệt phức tạp, ảnh hưởng đến an ninh chính trị, an toàn xã hội tại địa phương.

i) Bước 8: Ra Thông báo cưỡng chế thi hành án.

k) Bước 9: Gửi Giấy mời tham gia cưỡng chế cho các thành phần tham gia cưỡng chế.

l) Bước 10: Tổ chức cưỡng chế: công bố quyết định cưỡng chế; thực hiện nội dung cưỡng chế theo kế hoạch; lập biên bản cưỡng chế thi hành án và các biên bản cần thiết khác.

3. Tùy theo mỗi biện pháp cưỡng chế thi hành án, Chấp hành viên thực hiện các bước phù hợp theo Quy trình chung nêu trên hoặc theo quy định riêng tương ứng với mỗi biện pháp cưỡng chế thi hành án.

Điều 22. Khấu trừ tiền trong tài khoản; thu hồi, xử lý tiền, giấy tờ có giá của người phải thi hành án

1. Các bước thực hiện biện pháp khấu trừ tiền trong tài khoản

a) Bước 1: Kiểm tra căn cứ, điều kiện áp dụng biện pháp cưỡng chế khấu trừ tiền trong tài khoản.

b) Bước 2: Ra quyết định khấu trừ tiền trong tài khoản của người phải thi hành án. Quyết định khấu trừ tiền trong tài khoản phải ghi rõ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 21 Nghị định 62/2015/NĐ-CP.

Lưu ý:

- Số tiền khấu trừ không được vượt quá nghĩa vụ thi hành án và chi phí cưỡng chế; số tiền khấu trừ được chuyển vào tài khoản cơ quan THADS hoặc chuyển cho người được thi hành án.

- Trường hợp đối tượng bị cưỡng chế có mở tài khoản tiền gửi tại nhiều Kho bạc Nhà nước, tổ chức tín dụng khác thì Chấp hành viên căn cứ số dư tài khoản để quyết định áp dụng biện pháp cưỡng chế khấu trừ tiền trong tài khoản đối với một hoặc nhiều tài khoản để đảm bảo thu đủ tiền phải thi hành án và chi phí cưỡng chế thi hành án (nếu có).

c) Bước 3: Gửi quyết định cưỡng chế khấu trừ tiền trong tài khoản cho cơ quan, tổ chức đang quản lý tài khoản; VKSND cùng cấp; thông báo cho các bên đương sự, người có quyền và nghĩa vụ liên quan (nếu có).

2. Các bước thực hiện biện pháp cưỡng chế thu hồi, xử lý tiền, giấy tờ có giá của người phải thi hành án

a) Bước 1: Kiểm tra căn cứ, điều kiện áp dụng biện pháp cưỡng chế thu hồi, xử lý tiền, giấy tờ có giá của người phải thi hành án.

b) Bước 2: Ra quyết định cưỡng chế

- Trường hợp người phải thi hành án có thu nhập từ hoạt động kinh doanh thì Chấp hành viên ra quyết định thu tiền từ hoạt động kinh doanh của người phải thi hành án. Khi thu tiền Chấp hành viên phải để lại số tiền tối thiểu cho hoạt động kinh doanh và sinh hoạt của người phải thi hành án và gia đình.

- Trường hợp phát hiện người phải thi hành án đang giữ tiền mà có căn cứ xác định khoản tiền đó là của người phải thi hành án thì ra quyết định thu tiền để thi hành án.

- Trường hợp phát hiện người thứ ba đang giữ tiền của người phải thi hành án hoặc đang phải trả tiền, tài sản cho người phải thi hành án mà khoản tiền, tài sản đó đã được xác định bằng bản án, quyết định của Tòa án đang có hiệu lực pháp luật thì Chấp hành viên ra quyết định thu tiền của người phải thi hành án đang do người thứ ba giữ.

- Trường hợp phát hiện người phải thi hành án hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân đang giữ giấy tờ có giá của người phải thi hành án thì Chấp hành viên ra quyết định thu giữ giấy tờ có giá đó.

c) Bước 3: Xử lý tiền, giấy tờ có giá

- Trường hợp thu tiền: Chấp hành viên lập biên bản thu tiền, cấp biên lai thu tiền cho người phải thi hành án hoặc người thứ ba đang giữ tiền (trường hợp này phải thông báo cho người phải thi hành án), trường hợp người phải thi hành án hoặc người thứ ba đang giữ tiền không ký vào biên bản thì phải có chữ ký của người làm chứng.

- Trường hợp thu giữ giấy tờ có giá: Chấp hành viên yêu cầu người phải thi hành án hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân giữ giấy tờ có giá chuyển giao giấy tờ đó cho cơ quan THADS, trường hợp không thực hiện thì Chấp hành viên yêu cầu cơ quan, tổ chức có thẩm quyền chuyển giao giá trị của giấy tờ đó để thi hành án. Việc bán giấy tờ có giá được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 23. Trừ vào thu nhập của người phải thi hành án

a) Bước 1: Kiểm tra căn cứ, điều kiện áp dụng biện pháp trừ vào thu nhập của người phải thi hành án theo Khoản 2 Điều 78 Luật THADS.

b) Bước 2: Ban hành Quyết định trừ vào thu nhập của người phải thi hành án. Mức khấu trừ thu nhập căn cứ Khoản 3 Điều 78 Luật THADS.

c) Bước 3: Gửi Quyết định trừ vào thu nhập của người phải thi hành án cho cơ quan, tổ chức, người sử dụng lao động, Bảo hiểm xã hội nơi người phải thi hành án nhận thu nhập và yêu cầu thực hiện theo quyết định cưỡng chế; gửi quyết định cho VKSND cùng cấp; thông báo quyết định cho các bên đương sự, người có quyền và nghĩa vụ liên quan (nếu có).

Điều 24. Kê biên, xử lý tài sản của người phải thi hành án, kể cả tài sản đang do người thứ ba giữ

Các bước thực hiện theo quy trình chung về áp dụng biện pháp cưỡng chế thi hành án. Chú ý một số lưu ý khi thực hiện:

1. Đối với kê biên tài sản chung

a) Chỉ kê biên, xử lý đối với tài sản chung là quyền sử dụng đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất khi các tài sản khác không đủ để thi hành án hoặc khi người phải thi hành án tự nguyện đề nghị kê biên tài sản cụ thể trong số nhiều tài sản mà không gây trở ngại cho việc thi hành án và tài sản đó đủ để thi hành án, các chi phí liên quan (trường hợp này Chấp hành viên lập biên bản giải thích cho họ về việc phải chịu mọi chi phí liên quan đến việc xử lý tài sản đó và bị hạn chế quyền thực hiện giao dịch đối với các tài sản khác cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ thi hành án).

b) Trường hợp đã xác định được phần sở hữu của các chủ sở hữu chung thì thực hiện theo khoản 2 Điều 74 Luật THADS.

c) Trường hợp chưa xác định được phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của người phải thi hành án trong khối tài sản chung để thi hành án: Thông báo cho người phải thi hành án và những người có quyền sở hữu chung đối với tài sản, quyền sử dụng đất biết để họ tự thỏa thuận phân chia tài sản chung hoặc yêu cầu Tòa án giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự.

Hết thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo mà các bên không có thỏa thuận hoặc thỏa thuận vi phạm quy định tại Điều 6 Luật THADS hoặc thỏa thuận không được và không yêu cầu Tòa án giải quyết: Chấp hành viên thông báo cho người được thi hành án có quyền yêu cầu Tòa án xác định phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của người phải thi hành án trong khối tài sản chung theo thủ tục tố tụng dân sự.

Hết thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo mà người được thi hành án không yêu cầu Tòa án giải quyết: Chấp hành viên yêu cầu Tòa án xác định phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của người phải thi hành án trong khối tài sản chung theo thủ tục tố tụng dân sự.

d) Chủ sở hữu chung được quyền ưu tiên mua phần tài sản của người phải thi hành án trong khối tài sản thuộc sở hữu chung theo quy định tại khoản 3 Điều 74 Luật THADS.

2. Trường hợp kê biên tài sản là quyền sử dụng đất, tài sản phải đăng ký quyền sở hữu hoặc đăng ký giao dịch bảo đảm

a) Trước khi kê biên

- Chấp hành viên yêu cầu cơ quan có chức năng đăng ký tài sản, giao dịch cung cấp thông tin về tài sản, giao dịch đã đăng ký.

- Chấp hành viên phối hợp với cơ quan quản lý đất đai (trường hợp cần thiết thuê cơ quan chuyên môn) tiến hành xác minh, đo đạc, xác định mốc giới, đối chiếu với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (nếu có) hoặc hồ sơ đất; Phối hợp làm rõ diện tích đất thiếu hoặc thừa so với giấy chứng nhận quyền sử dụng, nghĩa vụ tài chính đối với diện tích đất thừa...

Trường hợp cần thiết, có thể thực hiện xác minh tại cơ quan quản lý nhà nước về nhà ở - xây dựng; tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng, quản lý đất đã thu hồi; trung tâm phát triển quỹ đất; cơ quan thuế... hoặc tại các cơ quan tổ chức khác có liên quan.

b) Sau khi kê biên: Thông báo bằng văn bản cho cơ quan đăng ký tài sản, đăng ký giao dịch bảo đảm để phối hợp, thực hiện trách nhiệm theo quy định tại Điều 178 Luật THADS.

3. Kê biên tài sản đang cầm cố, thế chấp

a) Chỉ kê biên tài sản đang cầm cố, thế chấp trong trường hợp có đủ các điều kiện:

- Người phải thi hành án không còn tài sản nào khác hoặc có tài sản nhưng không đủ để thi hành án;

- Giá trị của tài sản cầm cố, thế chấp lớn hơn nghĩa vụ được bảo đảm và chi phí cưỡng chế thi hành án;

- Tài sản đang cầm cố, thế chấp thuộc trường hợp được kê biên để thi hành án theo quy định tại Điều 11 Nghị quyết số: 42/2017/QH14 về thí điểm xử lý nợ xấu của các tổ chức tín dụng.

b) Khi kê biên: Thông báo ngay cho người nhận cầm cố, nhận thế chấp.

c) Khi xử lý tài sản kê biên: Người nhận cầm cố, nhận thế chấp được ưu tiên thanh toán theo quy định tại khoản 3 Điều 47 Luật THADS.

d) Trường hợp giá của tài sản sau khi giảm giá không lớn hơn nghĩa vụ được bảo đảm và chi phí cưỡng chế thi hành án: Ra ngay quyết định thu hồi quyết định cưỡng chế, kê biên, xử lý tài sản theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 37 Luật THADS; gửi văn bản cho người nhận cầm cố, thế chấp biết nghĩa vụ của người phải thi hành án và yêu cầu khi thanh toán hết nghĩa vụ theo hợp đồng hoặc khi xử lý tài sản cầm cố, thế chấp phải thông báo cho cơ quan THADS biết, giữ lại số tiền còn lại (nếu có) để cơ quan THADS giải quyết theo quy định của pháp luật.

4. Kê biên tài sản của người phải thi hành án đang do người thứ ba giữ mà người thứ ba không tự nguyện giao tài sản thì cưỡng chế buộc họ phải giao tài sản để thi hành án. Trường hợp tài sản kê biên đang cho thuê thì người thuê được tiếp tục thuê theo hợp đồng đã giao kết.

5. Kê biên vốn góp

a) Yêu cầu cá nhân, cơ quan, tổ chức nơi người phải thi hành án có vốn góp cung cấp thông tin về phần vốn góp của người phải thi hành án để kê biên phần vốn góp đó.

b) Trong trường hợp cần thiết, yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xác định phần vốn góp của người phải thi hành án; trung cầu tổ chức, cá nhân có chuyên

môn xác định phân giá trị vốn góp của người phải thi hành án để cưỡng chế thi hành án.

c) Đương sự có quyền yêu cầu Toà án xác định phân vốn góp của người phải thi hành án.

6. Kê biên đồ vật bị khoá, đóng gói

a) Yêu cầu người phải thi hành án, người đang sử dụng, quản lý đồ vật mở khoá, mở gói; nếu họ không mở hoặc cố tình vắng mặt thì Chấp hành viên tự mình hoặc có thể thuê cá nhân, tổ chức khác mở khoá, phá khoá hoặc mở gói.

b) Trường hợp cần thiết, sau khi mở khoá, phá khoá, mở gói, Chấp hành viên niêm phong đồ vật và giao bảo quản theo quy định tại Điều 58 Luật THADS.

c) Các biên bản mở khoá, phá khoá, mở gói hoặc niêm phong phải có chữ ký của những người tham gia và người làm chứng.

7. Kê biên phương tiện giao thông

a) Yêu cầu người phải thi hành án, người đang quản lý, sử dụng phương tiện giao thông phải giao giấy đăng ký phương tiện đó khi kê biên.

b) Trường hợp phương tiện giao thông đang được khai thác sử dụng thì sau khi kê biên Chấp hành viên thu giữ hoặc giao cho người phải thi hành án, người đang quản lý, sử dụng tiếp tục khai thác sử dụng, bảo quản nhưng không được chuyển nhượng, cầm cố, thế chấp.

c) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền cấm chuyển nhượng, cầm cố, thế chấp, cho thuê hoặc hạn chế giao thông đối với phương tiện bị kê biên trong trường hợp cần thiết.

d) Việc kê biên đối với tàu bay, tàu biển để thi hành án được thực hiện theo quy định của pháp luật về bắt giữ tàu bay, tàu biển (Bộ luật Hàng hải Việt Nam 2015, Pháp lệnh số 11/2010/UBTVQH12...).

8. Kê biên hoa lợi là lương thực, thực phẩm thì khi kê biên, phải để lại một phần để người phải thi hành án và gia đình họ sinh sống theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 87 Luật THADS.

9. Kê biên tài sản gắn liền với đất: Khi kê biên tài sản là công trình xây dựng gắn liền với đất phải kê biên cả quyền sử dụng đất, trừ trường hợp quyền sử dụng đất không được kê biên theo quy định của pháp luật hoặc việc tách rời tài sản kê biên và đất không làm giảm đáng kể giá trị tài sản đó.

10. Kê biên nhà ở

a) Chỉ kê biên nhà ở là nơi ở duy nhất của người phải thi hành án và gia đình sau khi xác định người đó không có các tài sản khác hoặc có nhưng không đủ để thi hành án, trừ trường hợp người phải thi hành án đồng ý kê biên nhà ở để thi hành án.

b) Khi kê biên nhà ở phải kê biên cả quyền sử dụng đất gắn liền với nhà ở. Trường hợp nhà ở gắn liền với đất thuộc quyền sử dụng của người khác và người có quyền sử dụng đất đồng ý thì chỉ kê biên nhà ở và quyền sử dụng đất để thi hành án; trường hợp nhà ở gắn liền với đất thuộc quyền sử dụng đất của người khác và người có quyền sử dụng đất không đồng ý thì chỉ kê biên nhà ở của người phải thi hành án, nếu việc tách rời nhà ở và đất không làm giảm đáng kể giá trị căn nhà.

c) Kê biên nhà ở của người phải thi hành án đang cho thuê, cho ở nhờ: Thông báo ngay cho người đang thuê, đang ở nhờ biết. Trường hợp tài sản kê biên là nhà ở, cửa hàng đang cho thuê được bán đấu giá mà thời hạn thuê hoặc thời hạn lưu cư vẫn còn thì người thuê có quyền tiếp tục được thuê hoặc lưu cư theo quy định của Bộ luật dân sự.

d) Việc kê biên nhà ở bị khoá được thực hiện theo quy định về kê biên đồ vật bị khoá, đóng gói tại Điều 93 Luật THADS.

11. Kê biên quyền sử dụng đất

a) Yêu cầu người phải thi hành án, người đang quản lý giấy tờ về quyền sử dụng đất phải nộp giấy tờ đó cho cơ quan THADS.

b) Khi kê biên quyền sử dụng đất của người phải thi hành án có tài sản gắn liền với đất:

- Nếu tài sản gắn liền với đất thuộc quyền sở hữu của người phải thi hành án thì kê biên cả quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất;

- Nếu tài sản gắn liền với đất thuộc quyền sở hữu của người khác thì chỉ kê biên quyền sử dụng đất và thông báo cho người có tài sản gắn liền với đất.

Điều 25. Cường chế khai thác tài sản của người phải thi hành án

1. Các trường hợp cường chế

a) Tài sản của người phải thi hành án có giá trị quá lớn so với nghĩa vụ phải thi hành và tài sản đó có thể khai thác để thi hành án.

b) Người được thi hành án đồng ý cường chế khai thác tài sản để thi hành án nếu việc khai thác tài sản không ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của người thứ ba.

2. Trình tự thực hiện: Theo trình tự chung về áp dụng biện pháp cường chế.

Lưu ý:

- Quyết định cường chế khai thác tài sản ghi rõ hình thức khai thác; số tiền, thời hạn, thời điểm, địa điểm, phương thức nộp tiền cho cơ quan THADS để thi hành án.

- Các hình thức khai thác tài sản

+ Người phải thi hành án đang trực tiếp khai thác tài sản hoặc cho người khác khai thác thì được tiếp tục khai thác tài sản;

+ Trường hợp tài sản (bao gồm cả quyền sử dụng đất) mà chưa khai thác thì Chấp hành viên yêu cầu người phải thi hành án ký hợp đồng khai thác tài sản với tổ chức, cá nhân có nhu cầu khai thác tài sản. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày yêu cầu mà người phải thi hành án không ký hợp đồng khai thác với người khác thì Chấp hành viên kê biên, xử lý tài sản đó để thi hành án.

- Gửi ngay Quyết định cưỡng chế khai thác tài sản cho cơ quan có thẩm quyền quản lý, đăng ký đối với tài sản đó và Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có tài sản.

- Việc thực hiện giao dịch, chuyển giao quyền sở hữu tài sản đối với tài sản đang khai thác phải được sự đồng ý của chấp hành viên.

3. Xử lý quyết định cưỡng chế khai thác tài sản

a) Chấp hành viên ra quyết định chấm dứt việc cưỡng chế khai thác tài sản, tiếp tục kê biên và xử lý tài sản đó để thi hành án trong trường hợp:

- Việc khai thác tài sản không hiệu quả hoặc làm cản trở thi hành án;

- Người phải thi hành án, người khai thác tài sản thực hiện không đúng yêu cầu của Chấp hành viên về việc khai thác.

b) Chấp hành viên ra quyết định chấm dứt việc cưỡng chế khai thác tài sản, quyết định giải toả việc cưỡng chế khai thác tài sản (trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định chấm dứt việc cưỡng chế khai thác tài sản) và trả lại tài sản cho người phải thi hành án trong trường hợp:

- Người phải thi hành án đã thực hiện xong nghĩa vụ thi hành án và các chi phí về thi hành án;

- Có quyết định đình chỉ thi hành án.

Điều 26. Cưỡng chế buộc chuyển giao vật, chuyển giao quyền tài sản, giấy tờ

1. Cưỡng chế trả vật

Các bước thực hiện theo trình tự chung về áp dụng biện pháp cưỡng chế.
Lưu ý:

- Tiến hành xác minh làm rõ người phải thi hành án hay người khác đang quản lý, sử dụng vật phải trả. Trường hợp người phải thi hành án, người đang quản lý, sử dụng vật phải trả có thể tiêu tán, hủy hoại vật đó thì Chấp hành viên có quyền áp dụng ngay biện pháp bảo đảm thi hành án quy định tại Điều 68 của Luật THADS.

- Đối với vật đặc định

+ Yêu cầu người phải thi hành án, người đang quản lý, sử dụng trả vật. Nếu người đó không thi hành thì Chấp hành viên thu hồi vật để trả cho người được thi hành án.

+ Trường hợp vật phải trả giảm giá trị mà người được thi hành án không đồng ý nhận thì Chấp hành viên hướng dẫn đương sự thỏa thuận việc thi hành án và thực hiện theo thỏa thuận.

Trường hợp đương sự không thỏa thuận được thì Chấp hành viên cưỡng chế trả vật cho người được thi hành án, giải thích cho đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về thiệt hại do vật phải trả bị giảm giá trị;

+ Trường hợp vật không còn hoặc bị hư hỏng đến mức không sử dụng được mà đương sự có thỏa thuận khác về việc thi hành án thì Chấp hành viên thi hành theo thỏa thuận.

Trường hợp đương sự không thỏa thuận được thì Chấp hành viên trình Thủ trưởng cơ quan ra quyết định về việc chưa có điều kiện thi hành án theo điểm b khoản 1 Điều 44a Luật THADS, thông báo cho đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về thiệt hại do vật phải trả không còn hoặc hư hỏng đến mức không sử dụng được.

- Đối với vật cùng loại: Trường hợp vật phải trả không còn hoặc hư hỏng, giảm giá trị thì Chấp hành viên yêu cầu người phải thi hành án trả vật cùng loại hoặc thanh toán giá trị của vật cùng loại, trừ trường hợp đương sự có thỏa thuận khác.

2. Cưỡng chế trả nhà, giao nhà

Các bước thực hiện theo trình tự chung về áp dụng biện pháp cưỡng chế.

Lưu ý:

- Chấp hành viên buộc người phải thi hành án và những người khác có mặt trong nhà ra khỏi nhà, đồng thời yêu cầu họ tự chuyển tài sản ra khỏi nhà; nếu không tự nguyện thực hiện thì Chấp hành viên yêu cầu lực lượng cưỡng chế đưa họ cùng tài sản ra khỏi nhà.

Trường hợp họ từ chối nhận tài sản, Chấp hành viên phải lập biên bản ghi rõ số lượng, chủng loại, tình trạng từng loại tài sản và giao tài sản cho tổ chức, cá nhân có điều kiện bảo quản hoặc bảo quản tại kho của cơ quan THADS và thông báo địa điểm, thời gian để người có tài sản nhận lại tài sản. Hết thời hạn 03 tháng, kể từ ngày thông báo theo quy định mà người có tài sản bảo quản không đến nhận, Chấp hành viên tiến hành xử lý theo quy định tại khoản 2 Điều 126 Luật THADS, trừ trường hợp có lý do chính đáng.

- Trường hợp người phải thi hành án cố tình vắng mặt mặc dù đã được thông báo quyết định cưỡng chế thì Chấp hành viên vẫn thực hiện việc cưỡng chế theo quy định.

- Trường hợp cưỡng chế giao nhà là nhà ở duy nhất của người phải thi hành án cho người mua được tài sản bán đấu giá, nếu xét thấy sau khi thanh toán các khoản nghĩa vụ thi hành án mà người phải thi hành án không còn đủ tiền để thuê nhà hoặc tạo lập nơi ở mới thì trước khi làm thủ tục chi trả cho người được thi hành án, Chấp hành viên trích lại từ số tiền bán tài sản một khoản tiền để người phải thi hành án thuê nhà phù hợp với giá thuê nhà trung bình tại địa

phương trong thời hạn 01 năm. Nghĩa vụ thi hành án còn lại được tiếp tục thực hiện theo quy định của pháp luật.

- Trường hợp cưỡng chế để trả lại công trình xây dựng, vật kiến trúc theo bản án, quyết định được thực hiện như quy định cưỡng chế giao nhà, trả nhà.

3. Cưỡng chế giao, trả giấy tờ

Các bước thực hiện theo trình tự chung về áp dụng biện pháp cưỡng chế.

Lưu ý:

- Trường hợp giấy tờ không thể thu hồi được nhưng có thể cấp lại thì Chấp hành viên yêu cầu cơ quan, tổ chức có thẩm quyền ra quyết định hủy giấy tờ đó và cấp giấy tờ mới cho người được thi hành án, người trúng đấu giá tài sản thi hành án.

- Trường hợp không thu hồi được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất và giấy tờ về tài sản khác thì thực hiện theo quy định tại khoản 4 và khoản 5 Điều 106 của Luật THADS.

- Trường hợp giấy tờ không thể thu hồi và cũng không thể cấp lại thì Chấp hành viên trình Thủ trưởng cơ quan ra Quyết định về việc chưa có điều kiện theo quy định tại Điều 44a của Luật THADS.

4. Cưỡng chế chuyển giao quyền sử dụng đất

Các bước thực hiện theo trình tự chung về áp dụng biện pháp cưỡng chế.

Lưu ý:

- Phải tiến hành xác minh, kiểm tra hiện trạng diện tích đất phải chuyển giao (có thừa, thiếu so với bản án, quyết định; ai đang là người thực tế đang quản lý, sử dụng đất...); trường hợp có tài sản gắn liền với đất phải làm rõ thời điểm hình thành để có căn cứ xử lý, giải quyết.

- Khi tiến hành giao đất phải có sự tham gia của đại diện cơ quan quản lý nhà nước về đất đai cùng cấp và Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất được chuyển giao.

- Xử lý tài sản gắn liền với đất được chuyển giao

+ Trường hợp tài sản gắn liền với đất hình thành sau khi có bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật thì Chấp hành viên yêu cầu người có tài sản đó tháo dỡ hoặc chuyển tài sản ra khỏi diện tích đất phải chuyển giao cho người được thi hành án. Nếu người có tài sản không thực hiện thì cưỡng chế tháo dỡ hoặc chuyển tài sản ra khỏi diện tích đất phải chuyển giao, trừ trường hợp đương sự có thỏa thuận khác. Chi phí cưỡng chế do người có tài sản chịu.

Trường hợp người có tài sản gắn liền với đất từ chối nhận tài sản thì Chấp hành viên lập biên bản ghi rõ số lượng, chủng loại, tình trạng từng loại tài sản, giao tài sản cho tổ chức, cá nhân có điều kiện bảo quản hoặc bảo quản tại kho của cơ quan THADS và thông báo địa điểm, thời gian để người có tài sản nhận lại tài sản.

Hết thời hạn thông báo mà người có tài sản không đến nhận thì tài sản được xử lý theo quy định tại Điều 126 của Luật THADS.

+ Trường hợp tài sản gắn liền với đất có trước khi có bản án, quyết định sơ thẩm nhưng bản án, quyết định được thi hành không tuyên rõ việc xử lý đối với tài sản đó thì cơ quan THADS yêu cầu Tòa án đã ra bản án, quyết định giải thích rõ việc xử lý đối với tài sản hoặc đề nghị Tòa án có thẩm quyền xem xét lại nội dung bản án theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm.

- Cường chế giao quyền sử dụng đất cho người trúng đấu giá hoặc cho người nhận quyền sử dụng đất để trừ vào số tiền được thi hành án được thực hiện như xử lý tài sản gắn liền với đất được chuyển giao nêu trên.

Điều 27. Cường chế buộc người phải thi hành án thực hiện hoặc không được thực hiện công việc nhất định

1. Cường chế thi hành nghĩa vụ buộc thực hiện công việc nhất định

a) Bước 1: Xác định căn cứ, điều kiện áp dụng biện pháp cường chế.

b) Bước 2: Ra Quyết định về việc cường chế buộc thực hiện công việc, thông báo ấn định thời gian cho người phải thi hành án thực hiện nghĩa vụ thi hành án.

c) Bước 3: Chấp hành viên lập biên bản xử phạt vi phạm hành chính, báo cáo Chi cục trưởng hoặc Trưởng phòng nghiệp vụ.

d) Bước 4: Trình Cục trưởng Cục THADS ra quyết định phạt tiền (theo điểm a khoản 3 Điều 64, khoản 3 Điều 85 Nghị định số 82/2020/NĐ-CP), ấn định thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định phạt tiền để người đó thực hiện nghĩa vụ thi hành án.

e) Bước 5: Trường hợp hết thời hạn đã ấn định mà người phải thi hành án không thực hiện nghĩa vụ thi hành án thì thực hiện như sau:

- Nếu công việc có thể giao cho người khác thực hiện thay thì Chấp hành viên giao cho người có điều kiện thực hiện; chi phí thực hiện do người phải thi hành án chịu;

- Nếu công việc phải do chính người phải thi hành án thực hiện thì Chấp hành viên đề nghị cơ quan có thẩm quyền truy cứu trách nhiệm hình sự về tội không chấp hành án.

2. Cường chế thi hành nghĩa vụ không được thực hiện công việc nhất định

a) Bước 1: Xác định căn cứ, điều kiện áp dụng biện pháp cường chế.

b) Bước 2: Ra Quyết định về việc cường chế không được thực hiện công việc, thông báo ấn định thời gian cho người phải thi hành án thực hiện nghĩa vụ thi hành án.

c) Bước 3: Chấp hành viên lập biên bản xử phạt vi phạm hành chính, báo cáo Chi cục trưởng hoặc Trưởng phòng nghiệp vụ.

d) Bước 4: Chấp hành viên trình Cục trưởng Cục THADS ra quyết định phạt tiền (theo điểm b khoản 3 Điều 64, khoản 3 Điều 85 Nghị định số

82/2020/NĐ-CP ngày 15/7/2020 của Chính phủ), trong trường hợp cần thiết có thể yêu cầu người phải thi hành án khôi phục hiện trạng ban đầu.

e) Bước 5: Đề nghị cơ quan có thẩm quyền truy cứu trách nhiệm hình sự về tội không chấp hành án đối với trường hợp người phải thi hành án vẫn không chấm dứt công việc không được làm, không khôi phục lại hiện trạng ban đầu.

3. Cường chế giao người chưa thành niên cho người được giao nuôi dưỡng theo bản án, quyết định

a) Bước 1: Xác định căn cứ, điều kiện áp dụng biện pháp cưỡng chế.

b) Bước 2: Ra quyết định về việc cưỡng chế giao người chưa thành niên cho người được giao nuôi dưỡng.

c) Bước 3: Chấp hành viên phối hợp với chính quyền địa phương, tổ chức chính trị - xã hội tại địa phương đó thuyết phục đương sự tự nguyện thi hành án.

d) Bước 4: Trường hợp người phải thi hành án hoặc người đang trông giữ người chưa thành niên không giao người chưa thành niên cho người được giao nuôi dưỡng thì Chấp hành viên lập biên bản xử phạt vi phạm hành chính, báo cáo Chi cục trưởng hoặc Trưởng phòng nghiệp vụ, trình Cục trưởng Cục THADS ra quyết định phạt tiền; ấn định thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định phạt tiền để người đó giao người chưa thành niên cho người được giao nuôi dưỡng.

e) Bước 5: Hết thời hạn đã ấn định mà người đó không thực hiện thì Chấp hành viên tiến hành cưỡng chế buộc giao người chưa thành niên hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền truy cứu trách nhiệm hình sự về tội không chấp hành án.

4. Cường chế buộc nhận người lao động trở lại làm việc

a) Bước 1: Xác định căn cứ, điều kiện áp dụng biện pháp cưỡng chế.

b) Bước 2: Ra quyết định về việc cưỡng chế nhận người lao động trở lại làm việc.

c) Bước 3: Trường hợp người sử dụng lao động không nhận người lao động trở lại làm việc theo bản án, quyết định thì ra quyết định phạt tiền đối với người sử dụng lao động là cá nhân hoặc người đứng đầu cơ quan, tổ chức sử dụng lao động, đồng thời ấn định thời hạn 10 ngày, kể từ ngày ra quyết định phạt tiền để người sử dụng lao động thực hiện việc nhận người lao động trở lại làm việc.

e) Bước 4: Hết thời hạn đã ấn định mà không thực hiện thì đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự về tội không chấp hành án.

Lưu ý:

- Trường hợp không thể bố trí người lao động trở lại làm công việc theo nội dung bản án, quyết định thì người sử dụng lao động phải bố trí công việc khác với mức tiền lương tương đương theo quy định của pháp luật lao động. Nếu người lao

động không chấp nhận công việc được bố trí và yêu cầu người sử dụng lao động thanh toán các chế độ theo quy định của pháp luật lao động thì người sử dụng lao động phải thực hiện việc thanh toán để chấm dứt nghĩa vụ thi hành án.

- Người sử dụng lao động phải thanh toán cho người lao động khoản tiền lương trong thời gian chưa bố trí được công việc theo bản án, quyết định, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi người lao động được nhận trở lại làm việc hoặc được giải quyết thuộc trường hợp 2 nêu trên.

Điều 28. Định giá tài sản kê biên

1. Ngay khi kê biên tài sản mà đương sự thoả thuận được về giá tài sản thì Chấp hành viên lập biên bản về thoả thuận đó, giá tài sản do đương sự thoả thuận là giá khởi điểm để bán đấu giá.

Trường hợp đương sự có thoả thuận về tổ chức thẩm định giá thì Chấp hành viên ký hợp đồng dịch vụ với tổ chức thẩm định giá đó.

2. Chấp hành viên thực hiện lựa chọn ký hợp đồng dịch vụ với tổ chức thẩm định giá trong trường hợp đương sự không thoả thuận được về giá và không thoả thuận được việc lựa chọn tổ chức thẩm định giá; hoặc tổ chức thẩm định giá do đương sự lựa chọn từ chối việc ký hợp đồng dịch vụ.

a) Chấp hành viên kiểm tra trình tự, thủ tục, chuẩn bị hồ sơ thi hành án (*tham khảo Phụ lục kèm theo Quy trình này*), báo cáo Thủ trưởng cơ quan THADS trước khi ký hợp đồng dịch vụ thẩm định giá tài sản (*danh mục hồ sơ báo cáo tham khảo Phụ lục kèm theo Quy trình này và các tài liệu khác nếu có*). Thủ trưởng chỉ đạo thực hiện kiểm tra trước khi ký hợp đồng dịch vụ thẩm định giá tài sản để tránh sai sót.

b) Các bước thực hiện: Theo Quy trình lựa chọn tổ chức thẩm định giá, đấu giá tài sản hiện hành của Tổng cục THADS để thi hành án.

c) Thời hạn thực hiện: 05 ngày làm việc kể từ ngày kê biên tài sản.

3. Chấp hành viên xác định giá tài sản trong các trường hợp

a) Không thực hiện được việc ký hợp đồng dịch vụ quy định tại khoản 2 Điều 98 Luật THADS, khoản 1 Điều 26 Nghị định 62/2015/NĐ-CP;

b) Tài sản kê biên thuộc loại tươi sống, mau hỏng hoặc có giá trị nhỏ (tại thời điểm xác định giá, tài sản giống hệt hoặc tương tự chưa qua sử dụng có giá mua bán trên thị trường không quá 10.000.000 đồng) mà đương sự không thoả thuận được với nhau về giá.

Trước khi xác định giá, Chấp hành viên phải tham khảo ý kiến của cơ quan tài chính cùng cấp hoặc cơ quan chuyên môn quản lý ngành, lĩnh vực của tài sản kê biên; việc tham khảo ý kiến phải lập thành văn bản hoặc biên bản.

4. Khi có căn cứ định giá lại tài sản, Chấp hành viên thực hiện định giá lại tài sản theo quy trình như trên.

Điều 29. Bán tài sản đã kê biên

1. Bán không qua thủ tục đấu giá

a) Chấp hành viên bán không qua thủ tục bán đấu giá đối với tài sản có giá trị dưới 2.000.000 đồng hoặc tài sản tươi sống, mau hỏng;

b) Việc bán tài sản phải được thực hiện trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày kê biên.

2. Chấp hành viên bán đấu giá tài sản kê biên trong các trường hợp

a) Tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi có tài sản chưa có tổ chức bán đấu giá hoặc có nhưng tổ chức bán đấu giá từ chối ký hợp đồng dịch vụ bán đấu giá tài sản;

b) Động sản có giá trị từ 2.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng.

3. Chấp hành viên thực hiện lựa chọn ký hợp đồng dịch vụ với tổ chức đấu giá tài sản đối với tài sản kê biên là động sản có giá trị từ trên 10.000.000 đồng, bất động sản và trong trường hợp đương sự không thỏa thuận được về tổ chức đấu giá.

a) Chấp hành viên kiểm tra trình tự, thủ tục, chuẩn bị hồ sơ thi hành án (*tham khảo Phụ lục kèm theo Quy trình này*), báo cáo Thủ trưởng cơ quan THADS trước khi ký hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản. Thủ trưởng chỉ đạo thực hiện kiểm tra trước khi ký hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản để tránh sai sót.

b) Việc lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản thực hiện theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTP; Quy trình lựa chọn tổ chức thẩm định giá, đấu giá tài sản hiện hành của Tổng cục THADS để thi hành án.

Trường hợp việc lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản thực hiện theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08/02/2022 của Bộ Tư pháp có nội dung khác Quy trình lựa chọn tổ chức thẩm định giá, đấu giá tài sản để thi hành án ban hành kèm theo Quyết định số 1079/QĐ-TCTHADS ngày 25/12/2020 của Tổng cục THADS thì thực hiện theo quy định Thông tư số 02/2022/TT-BTP.

c) Thời hạn thực hiện: 10 ngày kể từ ngày định giá tài sản.

4. Thủ tục bán đấu giá được thực hiện theo quy định của pháp luật về bán đấu giá tài sản.

Lưu ý:

- Trước khi bán tài sản lần đầu đối với tài sản thuộc sở hữu chung, Chấp hành viên thông báo và định thời hạn cho chủ sở hữu chung mua phần tài sản của người phải thi hành án theo giá đã định trong thời hạn 03 tháng đối với bất động sản, 01 tháng đối với động sản; đối với những lần bán tài sản tiếp theo thì thời hạn là 15 ngày, kể từ ngày được thông báo hợp lệ.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hết thời hạn ưu tiên mà chủ sở hữu chung không mua tài sản thì tài sản được bán theo quy định tại Điều 101 của Luật này.

Đối với tài sản thuộc sở hữu chung mà có nhiều chủ sở hữu chung đề nghị mua phần tài sản của người phải thi hành án theo giá đã định thì Chấp hành viên thông báo cho các chủ sở hữu chung đó thỏa thuận người được quyền mua. Nếu không thỏa thuận được thì Chấp hành viên tổ chức bốc thăm để chọn ra người được mua tài sản.

- Trước khi mở cuộc bán đấu giá 01 ngày làm việc, người phải thi hành án có quyền nhận lại tài sản nếu nộp đủ tiền thi hành án và thanh toán các chi phí thực tế, hợp lý đã phát sinh từ việc cưỡng chế thi hành án, tổ chức bán đấu giá.

- Chấp hành viên phải phối hợp, giám sát quá trình đấu giá tài sản. Trường hợp trong cùng một cuộc đấu giá mà có nhiều tài sản được đấu giá để thi hành án thì cơ quan THADS yêu cầu tổ chức đấu giá thực hiện việc đấu giá theo thứ tự từ tài sản có giá trị lớn nhất. Trường hợp số tiền thu được đã đủ để thi hành nghĩa vụ và các chi phí theo quy định thì không tiếp tục đấu giá các tài sản còn lại.

- Trường hợp bán đấu giá thành, Chấp hành viên thực hiện như sau:

+ Ký hợp đồng mua bán tài sản đấu giá với người trúng đấu giá và yêu cầu tổ chức đấu giá chuyển tiền đặt trước vào tài khoản của cơ quan THADS. Đồng thời, yêu cầu người trúng đấu giá nộp đủ tiền vào tài khoản cơ quan THADS trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày đấu giá thành và không được gia hạn thêm;

+ Giao tài sản cho người trúng đấu giá trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày người mua nộp đủ tiền. Trường hợp khó khăn, phức tạp thì không quá 60 ngày, kể từ ngày người mua được tài sản nộp đủ tiền, trừ trường hợp có sự kiện bất khả kháng. Trường hợp phải cưỡng chế giao tài sản cho người trúng đấu giá thực hiện theo hướng dẫn tại Điều 26 Quy trình.

- Trường hợp bán đấu giá không thành, không có người tham gia đấu giá, trả giá thì thực hiện theo quy định tại Điều 104 Luật THADS.

Điều 30. Tiêu hủy vật chứng, xử lý vật chứng, tài sản tạm giữ bị tuyên tịch thu, sung quỹ nhà nước

1. Tiêu hủy vật chứng, tài sản

a) Bước 1: Chấp hành viên lập hồ sơ (danh sách tiêu hủy, các tài liệu liên quan) báo cáo Thủ trưởng cơ quan ban hành quyết định thành lập Hội đồng tiêu hủy vật chứng, tài sản.

Thời hạn thực hiện: 01 tháng kể từ ngày ra Quyết định thi hành án.

b) Bước 2: Hội đồng tiêu hủy vật chứng lập kế hoạch, phương án tiến hành tiêu hủy, phương án bảo vệ việc tiêu hủy (nếu cần thiết), dự trù kinh phí tiêu hủy báo cáo Thủ trưởng cơ quan THADS xem xét phê duyệt.

Trường hợp tiêu hủy các loại hóa chất độc hại hoặc các vật chứng, tài sản khác mà cần thiết phải có các trang thiết bị chuyên dùng hoặc chuyên gia thì Chấp hành viên báo cáo Thủ trưởng cơ quan THADS xem xét phê duyệt, ký hợp đồng với chuyên gia, cơ quan bảo đảm điều kiện tiêu hủy vật chứng, tài sản để

thực hiện việc tiêu hủy đảm bảo an toàn và không làm ảnh hưởng đến môi trường tại nơi tiêu hủy.

c) Bước 3: Hội đồng tiêu hủy, phân công nhiệm vụ cho các thành viên; chuẩn bị nhân lực, các công cụ, phương tiện cần thiết cho việc tiêu hủy.

d) Bước 4: Thực hiện tiêu hủy vật chứng

- Trình Thủ trưởng cơ quan ký duyệt Giấy đề nghị xuất kho, Lệnh xuất kho; chuyển kế toán nghiệp vụ làm Phiếu xuất kho để Thủ kho thực hiện việc bàn giao vật chứng, tài sản.

- Tiến hành tiêu hủy vật chứng, tài sản theo kế hoạch, phương án tiêu hủy.

- Lập biên bản tiêu hủy.

Thời hạn thực hiện 10 ngày, kể từ ngày Hội đồng tiêu hủy được thành lập.

2. Xử lý vật chứng, tài sản tạm giữ bị tuyên tịch thu, sung quỹ nhà nước

a) Bước 1: Chấp hành viên lập danh sách vật chứng, tài sản bị tuyên tịch thu, sung quỹ nhà nước; trình Thủ trưởng cơ quan THADS ban hành văn bản thông báo và ấn định cho cơ quan tài chính cùng cấp hoặc cơ quan có trách nhiệm tiếp nhận vật chứng, tài sản trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày được thông báo.

b) Bước 2: Trình Thủ trưởng cơ quan ký duyệt Giấy đề nghị xuất kho, Lệnh xuất kho; chuyển kế toán nghiệp vụ làm Phiếu xuất kho để Thủ kho thực hiện việc bàn giao vật chứng, tài sản.

c) Bước 3: Tiến hành bàn giao vật chứng, tài sản.

- Khi chuyển giao vật chứng, tài sản tạm giữ phải kèm theo quyết định thi hành án, bản án, quyết định hoặc bản sao bản án, quyết định do cơ quan thi hành án dân sự sao y bản chính.

- Việc chuyển giao vật chứng, tài sản tạm giữ phải có sự tham gia của Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự hoặc người được Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự ủy quyền, kế toán, thủ kho và đại diện cơ quan tài chính. Việc giao, nhận vật chứng, tài sản tạm giữ được lập biên bản, mô tả cụ thể thực trạng vật chứng, tài sản tạm giữ, có chữ ký của người đại diện và dấu của cơ quan bên giao, chữ ký của người đại diện và dấu của cơ quan bên nhận, nếu có.

Thời hạn thực hiện: 10 ngày kể từ ngày ra quyết định thi hành án.

Lưu ý:

- Trường hợp cơ quan tài chính có thẩm quyền có văn bản ủy quyền thực hiện xử lý tài sản bị tuyên tịch thu, sung quỹ nhà nước, cơ quan THADS xử lý và làm thủ tục sung quỹ nhà nước sau khi đã trừ các chi phí xử lý theo quy định của pháp luật.

- Trường hợp quyết định tịch thu vật chứng, tài sản tạm giữ đã được thi hành nhưng sau đó phát hiện có sai lầm và đã được cơ quan có thẩm quyền ra quyết định hủy bỏ quyết định tịch thu, Chấp hành viên báo cáo Thủ trưởng cơ

quan THADS phối hợp với Cơ quan tài chính cùng cấp để làm thủ tục hoàn trả lại số tiền đã nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

Điều 31. Trả lại tiền, tài sản tạm giữ cho đương sự

1. Trả lại tiền tạm giữ cho đương sự

a) Bước 1: Chấp hành viên ban hành thông báo về việc nhận tiền.

b) Bước 2: Chấp hành viên lập Giấy đề nghị chỉ trình Thủ trưởng cơ quan phê duyệt và chuyển bộ phận kế toán nghiệp vụ làm thủ tục trả lại tiền cho đương sự. Việc chi trả tiền có thể bằng các hình thức:

- Trả trực tiếp cho đương sự đến nhận tiền tại trụ sở cơ quan thi hành án;

- Trả qua bưu điện hoặc chuyển khoản nếu đương sự có đơn đề nghị chuyển tiền qua bưu điện hoặc chuyển khoản (đơn đề nghị phải ghi rõ tên, địa chỉ của người nhận tiền, số tài khoản; đơn đề nghị được gửi trực tiếp hoặc qua bưu điện). Cước phí chuyển tiền do người được nhận tiền chịu và được trừ vào số tiền họ được nhận.

c) Bước 3: Trường hợp hết thời hạn 15 ngày kể từ ngày thông báo mà đương sự không đến nhận tiền, xử lý như sau:

- Chấp hành viên đề xuất Thủ trưởng cơ quan THADS duyệt cho làm thủ tục gửi số tiền đó theo hình thức tiết kiệm không kỳ hạn và thông báo cho đương sự;

- Nếu đương sự ở xa trụ sở cơ quan thi hành án dân sự, đã xác định được địa chỉ rõ ràng và khoản tiền có giá trị nhỏ hơn 01 tháng lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang do Nhà nước quy định thì cơ quan thi hành án dân sự lập phiếu chi và gửi tiền qua đường bưu điện. Trường hợp bưu điện trả lại tiền do không có người nhận thì gửi số tiền đó theo hình thức tiết kiệm không kỳ hạn và thông báo cho đương sự.

2. Trả lại tài sản tạm giữ cho đương sự:

a) Bước 1: Chấp hành viên ban hành thông báo về việc nhận tài sản.

b) Bước 2: Chấp hành viên lập Giấy đề nghị xuất kho, Lệnh xuất kho trình Thủ trưởng cơ quan phê duyệt; chuyển bộ phận Kế toán nghiệp vụ và Thủ kho để trả lại cho đương sự hoặc người được đương sự uỷ quyền nhận tài sản.

c) Bước 3: Trường hợp hết thời hạn 30 ngày kể từ ngày thông báo mà đương sự không đến nhận tài sản mà không có lý do chính đáng, Chấp hành viên tiến hành định giá tài sản, bán tài sản và gửi số tiền thu được theo hình thức tiết kiệm không kỳ hạn; đồng thời thông báo cho đương sự.

Lưu ý:

- Hết thời hạn 05 năm kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật mà đương sự vẫn không đến nhận số tiền đã được gửi tiết kiệm mà không có lý do chính đáng thì cơ quan THADS làm thủ tục sung quỹ Nhà nước.

- Đối với giấy tờ liên quan đến tài sản, nhân thân của đương sự thì hết thời hạn 01 năm kể từ ngày thông báo nếu đương sự không đến nhận, Chấp hành viên làm thủ tục chuyển giao cho cơ quan đã ban hành giấy tờ đó xử lý theo quy định.

- Đối với tiền Việt Nam, ngoại tệ bị hư hỏng không còn sử dụng được

+ Trường hợp do lỗi của các cơ quan tiến hành tố tụng, cơ quan THADS trong quá trình bảo quản và đương sự từ chối nhận: Chấp hành viên báo cáo Thủ trưởng cơ quan THADS ban hành văn bản đề nghị Ngân hàng Nhà nước đổi tiền mới có giá trị tương ứng và làm thủ tục trả cho đương sự.

+ Trường hợp không do lỗi của các cơ quan tiến hành tố tụng, cơ quan THADS mà đương sự từ chối nhận: Chấp hành viên báo cáo Thủ trưởng cơ quan THADS thực hiện thủ tục bàn giao cho Ngân hàng Nhà nước xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 32. Giao tài sản để trừ vào tiền được thi hành án

1. Căn cứ thực hiện

a) Đơn đề nghị nhận tài sản để trừ vào tiền được thi hành án.

b) Biên bản thỏa thuận giữa người được thi hành án và người phải thi hành án về việc nhận tài sản đã kê biên để trừ vào tiền được thi hành án.

c) Biên bản giải quyết việc thi hành án ghi nhận sự thỏa thuận giữa người được thi hành án và người phải thi hành án về việc nhận tài sản đã kê biên để trừ vào tiền được thi hành án.

2. Tiếp nhận và xử lý yêu cầu

a) Bước 1: Thông báo cho người phải thi hành án

- Chấp hành viên tiến hành thông báo cho người phải thi hành án về việc người được thi hành đề nghị nhận tài sản đã kê biên để trừ vào tiền được thi hành án.

- Trường hợp người phải thi hành án không nhất trí thì có quyền nộp đủ số tiền thi hành án và chi phí thi hành án để lấy lại tài sản đưa ra bán đấu giá.

b) Bước 2: Thông báo cho người được thi hành án, người phải thi hành án về việc bàn giao tài sản cho người được thi hành án theo thỏa thuận để trừ vào tiền được thi hành án.

Trường hợp có nhiều người được thi hành án thì người nhận tài sản phải được sự đồng ý của những người được thi hành án khác và phải thanh toán lại cho họ số tiền tương ứng tỷ lệ giá trị mà họ được hưởng.

3. Thực hiện việc giao tài sản để trừ vào số tiền được thi hành án theo quy định.

4. Thời hạn thực hiện: 05 ngày làm việc, kể từ ngày có căn cứ.

Điều 33. Thanh toán tiền, trả tài sản thi hành án và thu phí thi hành án

a) Bước 1: Chấp hành viên lập Bảng phân phối, xác định mức phí THADS và trình Thủ trưởng cơ quan THADS ban hành Quyết định thu phí (nếu có).

b) Bước 2: Ban hành thông báo cho đương sự đến nhận tiền, tài sản

Đối với trường hợp giao tài sản, Chấp hành viên phải thông báo số tiền phí THADS mà người được thi hành án phải nộp trước khi giao tài sản ít nhất 15 ngày.

c) Bước 3: Thực hiện việc chi trả tiền, tài sản và thu phí thi hành án

- Thủ tục thực hiện như trường hợp trả lại tiền, tài sản tạm giữ. Trước khi chi trả tiền Chấp hành viên phải thực hiện việc khấu trừ số tiền phí THADS mà người được thi hành án phải nộp.

- Thời hạn thực hiện: 10 ngày kể từ ngày thu được tiền, tài sản thi hành án hoặc 10 ngày kể từ ngày giao tài sản cho người mua được tài sản đấu giá.

Điều 34. Xác nhận kết quả thi hành án

1. Căn cứ thực hiện

a) Đơn đề nghị xác nhận kết quả thi hành án của đương sự, thân nhân của đương sự.

b) Bản án, quyết định của Tòa án.

c) Quyết định thi hành án của cơ quan THADS.

2. Tiếp nhận và kiểm tra yêu cầu

Công chức được phân công tiếp nhận, chuyển Bộ phận thụ lý để kiểm tra.

a) Trường hợp không đủ điều kiện để cấp giấy xác nhận thì yêu cầu bổ sung hoặc trả lại.

b) Trường hợp đủ điều kiện thì tiến hành rà soát trong Sổ thụ lý.

3. Xử lý yêu cầu

a) Trường hợp hồ sơ đang thi hành án, Bộ phận thụ lý chuyên yêu cầu xác nhận cho Chấp hành viên phụ trách hồ sơ để xem xét, dự thảo giấy xác nhận, báo cáo Thủ trưởng cơ quan THADS ký Giấy xác nhận kết quả thi hành án.

b) Trường hợp hồ sơ thi hành xong đã đưa vào lưu trữ, Bộ phận thụ lý phối hợp với Chấp hành viên, Công chức lưu trữ báo cáo Thủ trưởng cơ quan cho phép rút hồ sơ lưu trữ và ký Giấy xác nhận kết quả thi hành án.

4. Kết quả thực hiện: Bộ phận thụ lý chuyển lại Giấy xác nhận kết quả thi hành án cho công chức được phân công để trả cho đương sự hoặc thân nhân.

5. Thời hạn thực hiện: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu của đương sự.

Mục 3. THẨM TRA, LƯU TRỮ HỒ SƠ THI HÀNH ÁN

Điều 35. Thẩm tra hồ sơ

1. Chấp hành viên thực hiện việc kiểm tra, rà soát lại hồ sơ thi hành án, lập báo cáo đối chiếu với Kế toán nghiệp vụ về kết quả thi hành án, ký xác nhận vào phía dưới, góc phải của bảng thống kê và chuyển hồ sơ cho Phòng Kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo hoặc Thẩm tra viên; lập biên bản về việc giao, nhận hồ sơ.

2. Thẩm tra viên thực hiện việc thẩm tra kết quả thi hành án, đối chiếu kết quả thi hành án với nội dung quyết định thi hành án, bản án, quyết định; xem xét điều kiện hồ sơ đưa vào lưu trữ, căn cứ kết thúc thi hành án.

3. Thẩm tra viên ký xác nhận vào phía dưới, góc trái của bảng thống kê; báo cáo Thủ trưởng cơ quan THADS phê duyệt đưa vào lưu trữ; lấy dấu; chuyển hồ sơ đưa vào lưu trữ.

a) Trường hợp thiếu tài liệu thì phối hợp với Chấp hành viên để bổ sung hoặc báo cáo Lãnh đạo Phòng Kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo hoặc Lãnh đạo Chi cục được giao phụ trách đề yêu cầu Chấp hành viên bổ sung.

b) Trường hợp hồ sơ có sai phạm thì báo cáo Lãnh đạo Phòng Kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo hoặc Lãnh đạo Chi cục được giao phụ trách để báo cáo Thủ trưởng cơ quan THADS, yêu cầu Chấp hành viên khắc phục sai phạm.

4. Thời hạn thực hiện: 30 ngày kể từ ngày nhận bàn giao hồ sơ thi hành án.

Điều 36. Lưu trữ, bảo quản hồ sơ

1. Công chức được phân công lập biên bản về việc giao, nhận hồ sơ và ký xác nhận vào Sổ giao, nhận hồ sơ lưu trữ.

2. Công chức được phân công vào Sổ theo dõi lưu trữ hồ sơ thi hành án, sắp xếp hồ sơ theo thứ tự thời gian lưu trữ hàng tháng, quý, năm. Cập nhật thông tin về kết quả thi hành án tại sổ thụ lý.

3. Thời hạn thực hiện: Theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 37. Điều khoản thi hành

Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được giao, Thủ trưởng cơ quan THADS các cấp có trách nhiệm triển khai và tổ chức thực hiện Quy trình này. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc, kịp thời báo cáo về Tổng cục THADS (qua Vụ Nghiệp vụ 1) để kịp thời nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung. ✓